

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/KDTM-ST

Ngày: 16 - 9 - 2023

V/v *Tranh chấp Hợp đồng kinh doanh
thương mại gia công hàng may mặc*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Nga.

2. Bà Hoàng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2022/TLST- KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại gia công hàng may mặc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11 /2023/QĐST - KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Tổng công ty may X- Công ty cổ phần;** Địa chỉ: Phường S, quận L, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Thân Đức V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Việt Th, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 8, phường P, quận L, thành phố Hà Nội. (có mặt)

- **Bị đơn: Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ);** Địa chỉ: Km56+100, quốc lộ 5A, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 – Chức vụ: Tổng giám đốc.(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lương Quốc V1, sinh năm 1975
Địa chỉ: Căn hộ 1612 A8 KĐT thành phố G, phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn **Tổng công ty may X- Công ty cổ phần** (sau đây gọi tắt là **May X**) và người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29 tháng 05 năm 2021 Tổng công ty May X – CTCP (May X) và Công ty cổ phần may quốc tế B (B) đã ký kết hợp đồng số 10/MAYX-B/21 với nội dung Công ty cổ phần may quốc tế B (B) nhận gia công hàng may mặc cho Tổng công ty May X (May X) tại xưởng sản xuất của B tại Hưng Yên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng May X và B đã ký kết 03 phụ lục trong đó có Phụ lục 02 B đã vi phạm hợp đồng, chi tiết như sau:

Ngày 12/7/2021 May X và B đã ký Phụ lục số 02/21 với nội dung B may gia công cho May X số lượng sản phẩm và đơn giá như sau:

STT	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngày giao
1	Áo jacket 1026998	4.040	183.200	740.128.000	30/7/2021
2	Áo jacket 1026998	12.489	183.200	2.287.984.800	30/8/2021
Tổng		16.529		3.330.924.808	

May X sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị đơn hàng trước khi Bảo An giao hàng, 10% VAT còn lại May X sẽ thanh toán nốt khi hai bên hoàn thành thủ tục xuất hàng, thanh lý, quyết toán nguyên phụ liệu. May X đã xuất đầy đủ nguyên phụ liệu cho B (chi tiết phiếu xuất kho đính kèm), B đã xác nhận nhận đủ nguyên phụ liệu và tiến hành sản xuất theo phụ lục hợp đồng đã ký.

Trong quá trình thực hiện Phụ lục số 02/21 hai bên đã phát sinh nhiều vấn đề cần giải quyết, các lô hàng không giao đúng tiến độ mặc dù May 10 đã xuất đầy đủ nguyên phụ liệu cho Bảo An, mặt khác, công ty Bảo An đã chuyển hàng đi các đơn vị khác mà không thông báo cho May X (cụ thể được biết nguyên phụ liệu của May X đã chuyển đến Công ty TNHH may T& C Vina. Địa chỉ: Xóm 5, Mỹ Thành, Yên Thành, Nghệ An) dẫn đến việc thất thoát nguyên phụ liệu.

Khi phát hiện sự việc, May X đã yêu cầu dừng sản xuất đơn hàng, tuy nhiên do công ty B đã cắt xong bán thành phẩm của 4.012 sản phẩm nên May 10 đồng ý cho công ty B sản xuất hoàn thiện số sản phẩm là 4.012 chiếc. Đến ngày giao hàng công ty B đã không xuất trình được sản phẩm để kiểm tra (chi tiết theo biên bản kiểm tra chất lượng ngày 16/11/2021) cũng như không giao được hàng theo phụ lục hợp đồng đã ký. Sự việc này đã khiến đơn hàng bị hủy toàn bộ gây thiệt hại rất lớn cho doanh nghiệp.

Chi phí sơ bộ thiệt hại đến ngày khởi kiện như sau:

1. Trị giá nguyên phụ liệu không sử dụng được do bị hủy đơn hàng: 272.218,33 USD tương đương **6.233.799.757 đồng** (Sáu tỉ hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng)
2. Giá gia công cho 4.012 sản phẩm đã hoàn thành của mã hàng 1026998 là 32.096 USD tương đương **734.998.400** (bảy trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng), phần này May 10 sẽ không thanh toán cho Bảo An vì Bảo An không giao hàng cho May 10 theo phụ lục hợp đồng đã ký.

Tỷ giá USD theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký 1 USD = 22.900 đồng

Tổng thiệt hại đến thời điểm khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần quốc tế B bồi thường cho Tổng công ty May X – CTCP: **6.233.799.757 đồng** (Sáu tỉ hai trăm ba

mười ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng). Nếu có phát sinh Tổng công ty May X sẽ bổ sung bằng văn bản.

Ngày 22/6/2022 Tổng công ty May 10 thay đổi yêu cầu khởi kiện: **Yêu cầu Công ty B bồi thường cho May X** (tính đến ngày khởi kiện) tổng số tiền là **1.513.098.471 đồng** (*Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy một đồng*). Cụ thể:

+ Tổng trị giá nguyên phụ liệu của PL 02/21 - Mã hàng: 1026998 do không thực hiện được bị hủy đơn hàng May X đã yêu cầu B bồi thường trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2021 (cách đây 6 tháng) là 272.218,33 USD tương đương **6.233.799.757 đồng** (*Sáu tỉ hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng*) của 16.529 sản phẩm, tương đương 1 sản phẩm có số tiền nguyên phụ liệu là 377.143 đồng. Nay, làm rõ như sau:

- Sản lượng sản phẩm của PL 02/21 là 16.529 SP, trong đó: B không giao được cho May X 4.012 SP tương đương **1.513.098.471 đồng** (*Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy một đồng*) (4.012 SP x 377.143 đồng = 1.513.098.471 đồng) – May X tiếp tục yêu cầu B bồi thường cho May X thiệt hại này.

- Sản lượng sản phẩm của PL 02/21 sau khi trừ đi 4.012 SP B không giao trả May X còn lại 12.517 sản phẩm chưa sản xuất (là nguyên phụ liệu) tương đương **4.720.701.286 đồng** (*Bốn tỉ bảy trăm hai mươi triệu bảy trăm linh một nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*). Trong thời gian qua May X đã khắc phục chuyển đổi sản xuất sản phẩm khác để giảm thiểu thiệt hại trong lúc các doanh nghiệp đều khó khăn do đại dịch Covid 19 - Đến nay, May X không yêu cầu B bồi thường cho May X thiệt hại này.

+ Giá gia công cho 4.012 sản phẩm của PL 02/21 - Mã hàng: 1026998 mà Bảo An có nghĩa vụ giao cho May X là 32.096 USD tương đương **734.998.400** (*bảy trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng*), phần này May 10 sẽ không thanh toán cho B vì B không giao hàng cho May X theo phụ lục hợp đồng đã ký.

+ Giá trị thiệt hại khách hàng phạt hợp đồng May X do không giao được hàng đúng hợp đồng, May X sẽ yêu cầu B bồi thường khi có đầy đủ hồ sơ hoặc một khởi kiện khác.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Quốc Việt trình bày:

Ngày 13/12/2021 Công ty cổ phần may quốc tế B đã được đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ và người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ngọc Th. ông Lương Quốc V là người đại diện theo ủy quyền của bà Th.

Ngày 29 tháng 05 năm 2021 Tổng công ty May X – CTCP và Công ty cổ phần may quốc tế Bảo An ký kết hợp đồng số: 10/MAY X-B/21 với nội dung Công ty cổ phần may quốc tế B (B) nhận gia công hàng may mặc cho Tổng công ty May X - CTCP (May X), địa điểm sản xuất tại xưởng sản xuất của B tại Hưng Yên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng May X và B đã ký kết 03 Phụ lục 01 (PL 01/21), Phụ lục 02 (PL 02/21) và Phụ lục 03 (PL 03/21), cụ thể như sau:

TT	Tên Phụ lục/Mã hàng	Số lượng (SP)	Tình trạng	Thanh toán
1	PL 01/21 Mã: OB1214885	7.307 (quần)	Đã giao hàng	Chưa thanh toán (May X không khởi kiện)
2	PL 02/21 Mã: 1026998	16.529 (áo Jacket)	Chưa giao hàng vì chưa giao thanh toán tiền.	Chưa thanh toán (May X đang khởi kiện).
3	PL 03/21 Mã: AC1001 AC1002 AC1003 AC1004	3.983 (áo Jacket) 2.856 (áo Jacket) 3.164 (áo jile) 2.533 (áo jile)	Đã giao hàng	Thanh toán chậm (May X không khởi kiện)

- Về Quá trình thực hiện hợp đồng và nội dung vi phạm hợp đồng.

Ngày 12/7/2021 May X và B ký PL 02/21 với nội dung B may gia công cho May X số lượng sản phẩm, giá trị và thời gian giao hàng như sau:

STT	Tên hàng/ Mã hàng	Số lượng (Chiếc)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ngày giao hàng
1	Áo jacket 1026998	4.040	183.200	740.128.000	30/7/2021
2	Áo jacket 1026998	12.489	183.200	2.287.984.800	30/8/2021
Tổng		16.529		3.330.924.808	

Sau đó May X cũng đồng ý với việc B sản xuất mã hàng tại Công ty TNHH may T&C vina địa chỉ: Xóm 5, Mỹ Thành, Yên Thành, Nghệ An. May 10 đã trực tiếp chuyển nguyên phụ liệu đến công ty T& C vina.

Đến ngày 27/9/2021 và 16/11/2021 May X và B đã lập biên bản kiểm tra chất lượng, cùng có sự ký kết hai bên. Sau đó B đã có văn bản yêu cầu May X thanh toán 50% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng (*Theo nội dung tại mục 2 của Phụ lục số 02: Bên A (may X) phải thanh toán trước toàn bộ trị giá đơn hàng cho bên B (B) trước khi giao hàng, số 10% VAT còn lại sẽ được thanh toán nốt sau khi 2 bên đã hoàn thành thủ tục xuất hàng, thanh lý, quyết toán nguyên phụ liệu và có dấu xác nhận của các bên*) nhưng May X không thanh toán, do đó B không giao hàng theo phụ lục số 02/2021.

May X khởi kiện yêu cầu B phải thanh toán tổng số tiền là **1.513.098.471 đồng** (Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy một đồng) với 4.012 sản phẩm áo Jackets mã 1026998. Nay B cũng không còn hàng để giao cho May X. Tuy nhiên, việc B không giao hàng được cho May X cũng do lỗi của May X không thanh toán đúng cho B theo nội dung phụ lục số 02/2021. Do vậy, May X cũng phải cùng chịu trách nhiệm đối với việc B không giao hàng.

Quan điểm B: Không đồng với yêu cầu May X đang khởi kiện đòi B tổng số tiền là **1.513.098.471 đồng** (Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn

bốn trăm bảy một đồng). B chỉ đồng ý trả cho May X số tiền là 258.363.829 đồng, tuy nhiên B đề nghị đối trừ với số tiền May X phải thanh toán theo phụ lục hợp đồng số 01/2021 mã hàng OB1214885 số tiền là 258.363.829. B sẽ làm đơn phản tố và gửi cho Tòa án sau.

Ngày 01/03/2023 Công Ty Cổ phần may Quốc tế B trình bày tại công Văn số 03/CV-BA về việc không có ý định Khởi kiện Công ty May X về việc không thực hiện đúng Hợp đồng số: 10/MAY X-B/21. Công ty May X và Công ty B cùng nhau ký kết 03 phụ lục hợp đồng. Công ty may X đều không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của 2 phụ lục trước đó. Do vậy phụ lục số 02 mã hàng 1026998 Công ty Bảo An không chịu mọi trách nhiệm, tổn thất khi chưa được Công ty may X thanh toán theo giấy đề nghị thanh toán ngày 16/11/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về xác định tư cách tố tụng: Xác định Công ty TNHH May T&C VINA là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì tại biên bản kiểm tra chất lượng lần 1 đại diện công ty có ký vào biên bản, không xác định Công ty TNHH May mặc Vinh Phúc là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì hiện nay Giám đốc công ty không có mặt tại địa phương.

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 178, 179, 180, 182, 183 Luật thương mại 2005; Điều 542, 546, 547 và 552 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty may X- Công ty cổ phần; Địa chỉ: Phường S, quận L, thành phố Hà Nội. Buộc Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ); Địa chỉ: Km56+100, quốc lộ 5A, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phải có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty may X- Công ty cổ phần số tiền là: 1.513.098.471 đồng (*Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy một đồng*).

May X không phải thanh toán cho B số tiền gia công cho 4012 sản phẩm của PL 02/21 - Mã hàng: 1026998 là 32.096 USD tương đương 734.998.400 đồng theo phụ lục hợp đồng đã ký.

Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tổng công ty may X yêu cầu Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ bồi thường cho Tổng công ty

may X – CTCP tổng số tiền: **1.513.098.471 đồng** (*Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng*)) theo hợp đồng số 10/MAYX-B/21 và Phụ lục 02 (PL 02/21). Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận khi xảy ra tranh chấp Tòa kinh tế, Tòa án thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết, việc thỏa thuận trên là trái quy định của pháp luật, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương là nơi Công ty cổ phần may quốc tế Đ có trụ sở là đúng quy định và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng kinh doanh thương mại gia công hàng may mặc .

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đưa Công ty TNHH May mặc Vinh Phúc và Công ty TNHH May T&C VINA tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ: Tiến hành lấy lời khai và yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng cứ của Công ty TNHH May T&C VINA và Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ: Tiến hành lấy lời khai và yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng cứ của Công ty TNHH May mặc Vinh Phúc, tuy nhiên ông Phạm Công Định – Giám đốc Công ty TNHH May T&C VINA cho rằng không có liên quan đến Công ty Bảo An, còn ông Trần Minh Hoàng – Giám đốc Công ty TNHH May mặc Vinh Phúc hiện không có mặt tại địa phương. Xét thấy việc Công ty Bảo An và hai công ty trên có ký Hợp đồng hay không, không có liên quan đến việc May 10 khởi kiện nên Tòa án không đưa hai công ty trên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nếu sau này Công ty B và hai công ty trên có tranh chấp Công Ty B có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 29 tháng 05 năm 2021 Tổng công ty May X – CTCP và Công ty cổ phần may quốc tế B ký kết hợp đồng số: 10/MAYX-B/21 với nội dung Công ty cổ phần may quốc tế B (B) nhận gia công hàng may mặc cho Tổng công ty May X - CTCP (May X), địa điểm sản xuất tại xưởng sản xuất của B tại Hưng Yên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng May X và B đã ký kết 03 Phụ lục 01 (PL 01/21), Phụ lục 02 (PL 02/21) và Phụ lục 03 (PL 03/21).

Hợp đồng kinh tế số 10/MAYX-B/21 ngày 29 tháng 05 năm 2021 giữa Tổng công ty May X – CTCP và Công ty cổ phần may quốc tế B đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

Theo May X quá trình thực hiện Hợp đồng số 10 đã xảy ra tranh chấp đối với phụ lục số 02/21 về việc B không bàn giao thành phẩm, còn đối với phụ lục 01/21 và 03/21 hai bên đã thanh toán xong nên may X không khởi kiện. Do vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của may X đối với Hợp đồng số 10 và phụ lục 02/21.

Theo B cho rằng phụ lục 01/22 và phụ lục 03/21 May X vẫn chưa thanh toán xong cho B tuy nhiên B không khởi kiện May X nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với phụ lục 01/21 và phụ lục 03/21.

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Hợp đồng số 10/MAYX-B/21 ngày 29 tháng 5 năm 2021, theo Hợp đồng đã ký kết, bị đơn gia công cho nguyên đơn các mặt hàng quần áo may mặc các loại (chi tiết theo từng phụ lục). Ngày 12/7/2021 May X và B ký phụ lục 02/21 với nội dung B gia công cho May X số lượng sản phẩm, giá trị và thời gian giao hàng như sau:

STT	Tên hàng/ Mã hàng	Số lượng (Chiếc)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ngày giao hàng
1	Áo jacket 1026998	4.040	183.200	740.128.000	30/7/2021
2	Áo jacket 1026998	12.489	183.200	2.287.984.800	30/8/2021
Tổng		16.529		3.330.924.808	

Quá trình thực hiện hợp đồng cả nguyên đơn bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc sản xuất không đúng nơi theo quy định của hợp đồng, giao hàng không đúng thời gian, và không có hàng để giao.

Tuy nhiên việc bị đơn sản xuất hàng tại nơi khác đều đã có sự đồng ý của nguyên đơn do vậy được cho đã có sự thỏa thuận lại.

Bị đơn đã nhận đủ nguyên vật liệu theo nguyên đơn cung cấp Phiếu xuất kho số 0000096 và 0000097 ngày 09/7/2021 và phiếu xuất kho số 0000116 và 0000117 ngày 17/7/2021. Tại bút lục 82 B đã thừa nhận phụ lục 02/21 mã hàng trần bông 1026998, ngày 17/7/2021 B nhận nguyên vật liệu chuyển về Nghệ an sản xuất tại công ty Thịnh Cường.....

Tuy nhiên theo ngày giao hàng quy định tại phụ lục 02/21 thì B đã không giao hàng đúng thời gian quy định.

Tại bút lục 67 căn cứ do May 10 cung cấp nội dung gmail giữa bà Quyên và ông V1 trao đổi về việc giao hàng.

Hai bên đã có các buổi làm việc vào ngày 23/10/2021 thống nhất quyết toán đơn hàng 1026998 của phụ lục 02 sẽ hoàn thành vào ngày 25/10/2021.

Tại bút lục 69 nội dung gmail ông V1 trao đổi về việc sắp xếp kiểm hàng vào ngày 15/11/2021. Theo nguyên đơn cung cấp thì việc kiểm hàng được thực hiện vào ngày 16/11/2021 và được lập biên bản về việc kiểm tra chất lượng lần hai đối với đơn hàng 1026998 không thực hiện được vì lý do B chưa thanh toán tiền gia công của mã hàng 1026998 cho công ty T&C Vina, B đã đề nghị May 10 giúp đỡ B và Công ty T&C đề xuất hàng được thuận lợi.

Theo biên bản kiểm tra lần hai thì số sản lượng cắt là 4013 sp, còn lại 12.517 sản phẩm chưa sản xuất May X đã nhận lại nên không phải xem xét.

B cho rằng B đã có văn bản yêu cầu May X thanh toán 50% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng (*Theo nội dung tại mục 2 của Phụ lục số 02: Bên A (may 10) phải thanh toán trước toàn bộ trị giá đơn hàng cho bên B (B) trước khi giao hàng, số 10% VAT còn lại sẽ được thanh toán nốt sau khi 2 bên đã hoàn thành thủ tục xuất hàng, thanh lý, quyết toán nguyên phụ liệu và có dấu xác nhận của các bên*) nhưng May X không

thanh toán, do đó B không giao hàng theo phụ lục số 02/2021. B không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của May X mà chỉ chấp nhận 1 phần là 258.363.829 đồng nhưng đối trừ số tiền May X chưa thanh toán cho Bảo An theo phụ lục 01/21.

Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng số 10/MAYX-B/21 ngày 29 tháng 5 năm 2021 quy định “ *Bên A sẽ thanh toán tiền gia công cho bên B sau 15 ngày là việc kể từ ngày bên B giao hàng cho bên A những sản phẩm được khách hàng chấp nhận*” tại Điều 6 (6.2 trách nhiệm của bên B): *Giao thành phẩm đúng số lượng, chất lượng, thời gian mà hai bên đã thỏa thuận*”. Bảo An căn cứ vào phụ lục 02/21 để yêu cầu May X thanh toán 50% giá trị đơn hàng theo quy định tại mục 2 là chưa có căn cứ vì tại mục 3 Các điều khoản khác quy định: thực hiện các điều khoản như ghi trong hợp đồng. Như vậy việc thực hiện phụ lục hợp đồng phải tuân thủ theo quy định của Hợp đồng chính, May X không kiểm tra được chất lượng sản phẩm thì Bảo An không thể giao sản phẩm đúng số lượng và chất lượng như quy định tại mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng, như vậy Bảo An đã không thực hiện đúng quy định của Hợp đồng May 10 không kiểm tra được chất lượng sản phẩm nên không thanh toán cho B là có căn cứ. Còn việc B xuất trình ký hợp đồng gia công với Công ty TNHH May mặc Vinh Phúc đối với sản phẩm của May X, việc ký Hợp đồng này không có liên quan trong vụ án này. B có ký hợp đồng với Công ty TNHH May T&C VINa hay không cũng không liên quan trong vụ án này. Trách nhiệm của B với May X được thực hiện theo Hợp đồng số 10 và phụ lục số 02/21 nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong nội dung khởi kiện của May 10. Như phân tích tại mục 1 thì B có quyền khởi kiện Công ty T&C vi na và Công ty TNHH May mặc Vinh Phúc bằng vụ án khác.

B cho rằng B và May X đã ký với nhau Hợp đồng số 10/MAYX-B/21. Hợp đồng này bao gồm 3 phụ lục số 01/21 ký ngày 29/5/2021, số 02/21 ký ngày 12/7/2021, số 03/21 ký ngày 12/7/2021 đây là ba phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng này nên B không chấp nhận giải quyết riêng vấn đề của phụ lục 02. HĐXX thấy giữa B và May X ký với nhau Hợp đồng số 10 tuy nhiên để thực hiện hợp đồng thì hai bên ký với nhau từng phụ lục và thực hiện theo Hợp đồng chính và từng phụ lục, nên các phụ lục không có liên quan đến nhau. May X chỉ khởi kiện Hợp đồng số 10 và phụ lục 02 nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như đã phân tích tại phần trên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho B về vấn đề làm đơn phản tố tại biên bản ghi lời khai ngày 22/6/2022, và ngày 22/7/2022, tuy nhiên Bảo An không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét phụ lục 01 và 03. Bảo An có quyền khởi kiện May X đối với phụ lục 01 và 03 bằng vụ án khác.

B khai không nhận nguyên vật liệu trực tiếp từ May X, May X tự ý xuất nguyên vật liệu đến công ty TNHH May mặc Vinh Phúc(xưởng may Cường Thịnh đến Công ty TNHH May T&C Vi Na) không thông qua bàn bạc nhất trí với B. Vấn đề này đã được phân tích ở trên các bên đều thực hiện không đúng Hợp đồng, tuy nhiên B đã thừa nhận đã nhận đủ nguyên vật liệu đối với phụ lục 02, hai bên đã trao đổi bằng gmail để thống nhất việc kiểm tra chất lượng. Điều đó chứng tỏ B đã thực hiện hợp đồng tuy nhiên hai

bên không thực hiện được vì Công ty T&C không cho vào “ Theo biên bản làm việc” ngày 16/11/2021. Nên ý kiến của Bảo An không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do May 10 cung cấp thì số sản phẩm Bảo An không giao cho May X có giá trị là: 4.012 SP x 377.143 đồng = 1.513.098.471 đồng.

Từ phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc Bảo An phải thanh toán tổng số tiền là **1.513.098.471 đồng** (*Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy một đồng*) với 4.012 sản phẩm áo Jackets mã 1026998 cho May X.

Do B không có hàng giao cho May X theo quy định nên May 10 không phải thanh toán cho Bảo An số tiền gia công là 32.096 USD tương đương **734.998.400** (*bảy trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng*), yêu cầu này của May X có căn cứ chấp nhận.

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 178, 179, 180, 182, 183 Luật thương mại 2005; Điều 542, 546, 547 và 552 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Tổng công ty may X- Công ty cổ phần**; Địa chỉ: Phường S, quận L, thành phố Hà Nội. Buộc **Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ)**; Địa chỉ: Km56+100, quốc lộ 5A, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Tổng công ty may 10- Công ty cổ phần** số tiền là: **1.513.098.471 đồng** (*Một tỉ năm trăm mười ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy một đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tổng công ty may X- Công ty cổ phần không phải thanh toán cho **Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ)** số tiền gia công cho 4012 sản phẩm của PL 02/21 - Mã hàng: 1026998 là 32.096 USD tương đương 734.998.400 đồng theo phụ lục hợp đồng đã ký.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần may Quốc tế B (đã đổi tên thành Công ty cổ phần may quốc tế Đ) phải chịu 57.392.900 đồng (làm tròn) án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả **Tổng công ty may X- Công ty cổ phần** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.117.000 đồng (

Năm mươi bảy triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000162 ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; Tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Cục THADS thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Khánh Thiệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Thiện